

TUẦN 9**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**
RUNG CHUÔNG VÀNG (Tiết 25)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thể hiện được sự hiểu biết của bản thân về không gian mạng
- Hiểu thêm được đặc điểm ,vai trò và ý nghĩa của không gian mạng đối với học tập và cuộc sống hằng ngày
- Tích cực, nhiệt tình tham gia trả lời câu hỏi trong trò chơi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động mở đầu: Khởi động (3 - 5')**

- Chào cờ, hát quốc ca, đội ca, ổn định chỗ ngồi.

2. Hoạt động thực hành, luyện tập (20 - 25')

- GV tổ chức cho HS tham gia Trò chơi : **“Rung chuông vàng”** chủ đề *Em biết gì về in-tơ-nét?*
- GV phổ biến luật chơi:

+ HS nghe câu hỏi và sẽ có 15 giây để viết đáp án ra bảng con.

+ Nếu HS trả lời đúng thì sẽ tiếp tục cuộc chơi. HS trả lời sai sẽ dừng cuộc chơi và ra cổ vũ cho các bạn chơi tiếp.

+ HS nào ở lại đến cuối cùng sẽ là người chiến thắng.

- GV tổ chức cho HS chơi

- Sau khi kết thúc trò chơi, GV mời một số HS chia sẻ theo gợi ý:

+ Cảm xúc của em sau khi tham gia trò chơi

+ Kinh nghiệm của em về việc sử dụng mạng trong học tập và trong cuộc sống hằng ngày

- GV khen ngợi HS đã tích cực tham gia trò chơi và thể hiện được hiểu biết của bản thân về không gian mạng

- HS chia sẻ.

- GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt.

3. Hoạt động tổng kết, dặn dò (3 - 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. Giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**Hoạt động giáo dục theo chủ đề: AN TOÀN KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG
(tiết 26)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi tham gia các hoạt động, HS có khả năng:

- Chia sẻ được trải nghiệm của bản thân khi sử dụng mạng trong học tập và cuộc sống.
- Nhận diện được những nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng.
- Biết tự chủ và đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.
- Tham gia giải quyết các tình huống có nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng in-tơ-nét.
- Biết trao đổi, hợp tác nhóm trong khi thảo luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng,
- Video về nguy cơ mất an toàn trên không gian mạng

<https://www.youtube.com/watch?v=M8iMqp72Zvg>

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**1. Hoạt động khởi động (3 – 5')**

- GV tổ chức cho HS vận động theo hát bài “SAM, S
AM, SAM” .
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')*** HOẠT ĐỘNG 1: Chia sẻ trải nghiệm sử dụng mạng (10 phút)****a) Mục tiêu:**

- HS chia sẻ được những trải nghiệm của bản thân khi sử dụng mạng
- Nêu được những lợi ích mà mạng mang lại

b) Cách tiến hành

- GV chia lớp thành các nhóm.
- GV tổ chức cho các nhóm HS chia sẻ trong nhóm về trải nghiệm sử dụng mạng của bản thân theo gợi ý:
 - + Những nội dung em thường truy cập trên mạng.
 - + Điều thú vị mà em thấy từ mạng
 - + Ứng dụng của mạng trong học tập và cuộc sống
 - + Những lợi ích mà mạng mang lại.
- Các nhóm tiến hành thảo luận - Mỗi nhóm cử một bạn làm thư kí ghi chép lại kết quả thảo luận của nhóm
- GV mời các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.

Khuyến khích HS chia sẻ những tình huống trải nghiệm cụ thể khi sử dụng mạng.

GV kết luận:

Ngày nay, mạng (Internet) mang đến rất nhiều lợi ích cho người sử dụng. Có thể kể một số lợi ích như: cung cấp nguồn thông tin, kho kiến thức khổng lồ; hỗ trợ học tập trực tuyến; kết nối, trò chuyện được với mọi người; mở ra thế giới giải trí,

*** HOẠT ĐỘNG 2: Nhận diện nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng (12 phút)****a) Mục tiêu:**

- Nhận diện được những nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng của bản thân.

b) Cách tiến hành

- GV tổ chức cho các nhóm HS đọc kĩ các tình huống trong SGK trang 29 và phân tích

nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng trong các tình huống đó.

+Tình huống 1:

Hai chị em Dung được mẹ cho mượn điện thoại để xem hướng dẫn cách làm bánh ngọt trên mạng. Trong lúc xem, hai chị em thấy có một đoạn quảng cáo trò chơi điện tử rất hấp dẫn. Em của Dung đề nghị hai chị em chơi thử trò chơi mà đoạn quảng cáo đó giới thiệu.

+Tình huống 2:

Duy đang truy cập mạng để tra cứu thông tin bài học thì có người bạn gửi cho Duy một đường dẫn và rủ Duy cùng xem một bộ phim bạo lực.

+ Tình huống 3:

Linh mới học được cách tạo tài khoản cá nhân trên mạng xã hội. Linh rất hào hứng nên thường xuyên sử dụng điện thoại để đăng ảnh cá nhân và các thông tin về lịch trình hoạt động của mình trong ngày lên trang cá nhân trên mạng xã hội.

- Cho HS chia sẻ trước lớp

Gọi lần lượt các nhóm trình bày

- GV cho HS xem video <https://www.youtube.com/watch?v=M8iMqp72Zvg> và nêu những nguy cơ mất an toàn trên mạng.

-GV tổ chức cho HS kể những nguy cơ mất an toàn khác khi sử dụng mạng trong video mà em vừa xem

GV kết luận:

Không gian mạng là môi trường rất mở. Trên mạng, mọi người có thể liên lạc, chia sẻ thông tin với nhau một cách dễ dàng. Chính vì dễ dàng liên hệ nên không gian mạng chứa đựng nhiều nguy cơ mất an toàn như:

- Tin giả và tin tức không hợp pháp;

- Lừa đảo trên mạng;

- Lộ thông tin cá nhân;
- Dụ dỗ, lôi kéo, bắt nạt, tấn công qua mạng;
- Phụ thuộc hoặc nghiện mạng

Các em cần nhận diện những nguy cơ mất an toàn để rút ra bài học cho bản thân về cách sử dụng mạng an toàn

3. Hoạt động tiếp nối (3 – 5')

- GV hướng dẫn HS về nhà trao đổi với người thân về những nguy cơ mất an toàn khi sử dụng mạng.

- GV nêu nhiệm vụ hoạt động: Về nhà viết bài thuyết trình về chủ đề Tự chủ khi giao tiếp trên mạng hoặc thu thập tài liệu làm PPT về cách dùng mạng Internet.

GV đưa ra các gợi ý để viết bài như sau:

- + Lợi ích của giao tiếp trên mạng;
 - + Tự chủ khi giao tiếp trên mạng là gì?
 - + Các lưu ý để tự chủ khi giao tiếp trên mạng;
 - + Những việc cần làm khi giao tiếp trên mạng
- Nhận xét, củng cố sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

THUYẾT TRÌNH VỀ CHỦ ĐỀ TỰ CHỦ KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG (Tiết 27)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:

- Làm PPT tìm hiểu về không gian mạng. Viết được bài thuyết trình về chủ đề Tự chủ khi giao tiếp trên mạng.
- Sử dụng PPT, bài viết để thuyết trình về tính tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng, bài viết của HS

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 - 5')

- Cả lớp nhảy bài “Trạng tỵ” để khởi động bài học.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')

* Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
 - Ưu điểm:
 - Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.
 - Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
 - Làm bài tập về nhà đầy đủ....
 - Nhược điểm:
 - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
 - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
 - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
 - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

* Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

* Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 9

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.
 - Sinh hoạt theo chủ đề:

Thuyết trình về chủ đề tự chủ khi giao tiếp trên mạng

GV tổ chức hoạt động theo gợi ý:

- + Cách 1: HS làm việc cá nhân để viết bài thuyết trình.
- + Cách 2: Cả nhóm từ 4 đến 6 thành viên cùng thảo luận để xây dựng bài viết. Sau đó cử ra một bạn phụ trách thuyết trình trước lớp.

- Sau khi HS viết xong, GV tổ chức cho HS sử dụng bài viết để thuyết trình về tính tự chủ khi giao tiếp trên mạng.
- GV tổng kết hoạt động, tuyên dương những HS có phần thuyết trình ấn tượng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN

BÀI 3: EM NHẬN BIẾT KHÓ KHĂN (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.
- Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.
- Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện yêu cầu: *Tìm các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.*
- GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí:
 - + *Có chí thì nên.*
 - + *Ai đội đá mà sống ở đời.*
 - + *Mưu cao chẳng bằng chí dày.*
 - + *Người có chí thì nên*
Nhà có nền thì vững.
 - + *Trời nào có phụ ai đâu*

Hay làm thì giàu, có chí thì nên...

- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động hình thành kiến thức (23-25')

2.2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Một học sinh nghèo vượt khó” SGK tr.18 rồi thảo luận theo nhóm đôi.

- GV mời 1 HS đọc to câu chuyện trước lớp. HS khác lắng nghe, đọc thầm theo để nắm nội dung câu chuyện.

- GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm đôi:

+ *Bạn Thảo đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống như thế nào?*

+ *Sự vượt khó đã mang lại điều gì cho Thảo?*

+ *Vì sao chúng ta phải biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?*

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.

- GV ghi nhận đáp án hợp lí:

+ *Bạn Thảo đã vượt qua khó khăn:*

- *Gia đình bạn khó khăn, bố mẹ ốm yếu – Thảo giúp bố mẹ công việc gia đình.*
- *Đường đi học gian nan nhất là khi thời tiết mưa rét, đường trơn – Thảo vẫn chăm chỉ đi học.*
- *Trong học tập – Thảo tranh thủ hỏi bài thầy cô, các bạn khi ở lớp. Tối bạn làm bài và ôn tập vào sáng sớm hôm sau.*

+ *Sự vượt khó đã giúp Thảo trở thành học sinh tiêu biểu của trường và nhận được sự ngưỡng mộ.*

+ *Lí do cần vượt qua khó khăn:*

- *Cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống vì khó khăn là điều luôn xảy ra khi sống và làm việc.*
- *Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Để thành công, mỗi người cần phải đối diện với nó và tìm cách vượt qua.*

- *Vượt qua khó khăn giúp con người rèn luyện được những phẩm chất và kỹ năng quý báu như siêng năng, kiên trì, giao tiếp, hợp tác, kiên định mục tiêu.*
- GV cho HS xem video mở rộng câu chuyện “*Có công mài sắt có ngày nên kim*”
https://youtu.be/EEcp_HijCOs
- GV đặt câu hỏi cho HS:
 - + *Cậu bé trong câu chuyện gặp khó khăn trong việc gì?*
 - + *Cậu bé đã thấy hoạt động nào kì lạ?*
 - + *Cậu bé đã nhận ra điều gì khi nghe bà cụ giải thích hành động của mình?*
- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:
 - + *Cậu bé trong câu chuyện gặp khó khăn trong việc tập trung, thiếu kiên trì rèn luyện học tập.*
 - + *Cậu bé thấy lạ khi bà cụ đang mài một thỏi sắt.*
 - + *Cậu bé nhận ra phải kiên trì vượt qua những khó khăn thì mới thành công nên đã về nhà chăm chỉ rèn luyện học tập.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- + Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- + Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC

Bài 8: ÔN TẬP GIỮA KÌ I (TIẾT 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ về chủ đề Chất.

- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi “Biên báo giao thông”
- Cách chơi: HS tham gia cá nhân bằng tinh thần xung phong. GV bấm enter để vòng quay bắt đầu, khi vòng quay dừng, kim chỉ vào biên báo nào thì HS phải trả lời câu hỏi ẩn trong biên báo đó. Trả lời đúng được tuyên dương, trả lời sai nhường quyền cho bạn khác. Trò chơi kết thúc lúc 6 câu hỏi trả lời hết.

Câu 1: Đi chân trần, cắm dây ở quạt vào ổ điện khi dây điện bị hở sẽ gây nguy hiểm gì?

Câu 2: Đứng trên sàn nhà ướt để sấy tóc dễ gây ra nguy hiểm gì?

Câu 3: Sử dụng điện thoại khi đang cầm sạc điện dễ gây ra nguy hiểm gì?

Câu 4: Thay bóng đèn bàn học khi vẫn cắm điện dễ gây ra nguy hiểm gì?

Câu 5: Thuyền buồm sử dụng năng lượng nào để di chuyển?

Câu 6: Nguồn năng lượng nào đã giúp bè gỗ trôi được trên sông?

2. Hoạt động Thực hành, luyện tập (20 – 25’)

2.1. Ôn tập về ô nhiễm, xói mòn đất.

- HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Hãy nêu một số hiện tượng xói mòn đất.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

2.2. Ôn tập về hỗn hợp và dung dịch:

- GV nêu câu hỏi, SH làm việc chung cả lớp, suy nghĩ trả lời:

+ Dựa vào đâu để phân biệt được hỗn hợp hay dung dịch?

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

2.3. Ôn tập về sự biến đổi trạng thái của chất

- HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Vì sao người ta sử dụng cồn là thành phần chính trong nước rửa tay khô?

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

2.4. Phân biệt 3 trạng thái của chất

- HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Sắp xếp các chất: muối ăn, hơi nước, nhôm, ni-tơ, nước uống, dầu ăn, giấm ăn, ô-xi, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường) vào vị trí thích hợp theo bảng gợi ý dưới đây.

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
?	?	?

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

2.5. Ôn tập về năng lượng

- HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

- Để an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc nào?

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- HS về nhà tiếp tục ôn tập các nội dung kiến thức đã học trong chủ đề chất và năng lượng.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

Bài 9: MẠCH ĐIỆN ĐƠN GIẢN, VẬT DẪN ĐIỆN VÀ VẬT CÁCH ĐIỆN (TIẾT 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của mạch điện thấp sáng gồm: nguồn điện, công tắc và bóng đèn..
- Giải thích được lí do sử dụng vật dẫn điện, vật cách điện trong một số đồ vật, tình huống thường gặp.
- Đề xuất được cách làm thí nghiệm để xác định vật dẫn điện, vật cách điện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV nêu tình huống:

Các em hãy tưởng tượng nếu chúng ta đi vào trong một hang động không có ánh sáng, chúng ta không nhìn thấy mọi vật xung quanh. Các em sẽ sử dụng đồ vật gì để chiếu sáng?

- GV mời một vài HS trả lời.

- GV nhận xét dẫn vào bài mới.

+ Vậy bên trong đèn pin có những bộ phận nào? Vì sao đèn pin phát sáng?

- Như vậy, một mạch điện thấp sáng đơn giản cần có những bộ phận nào và hoạt động như thế nào?

Để trả lời những câu hỏi này, chúng ta cùng vào bài học hôm nay:

Mạch điện đơn giản, vật dẫn điện và vật cách điện.

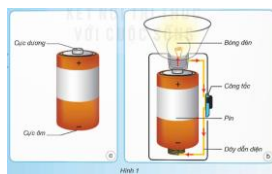
2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

Mạch điện thấp sáng đơn giản

2.1 Tìm hiểu cấu tạo của đèn pin.

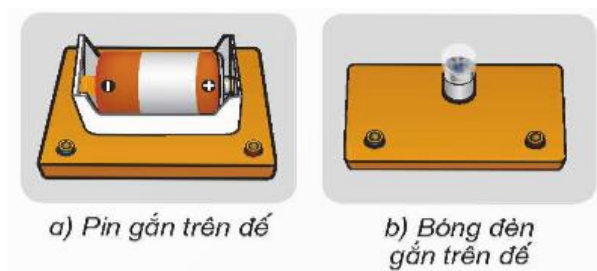
- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát cấu tạo bên trong của đèn pin ở hình 1 (SGK trang 34) rồi trả lời các câu hỏi:

- + Đèn pin có những bộ phận chính nào?
- + Nguồn năng lượng nào làm bóng đèn pin phát sáng?
- + Mô tả chiều dòng điện chạy trong đèn pin.



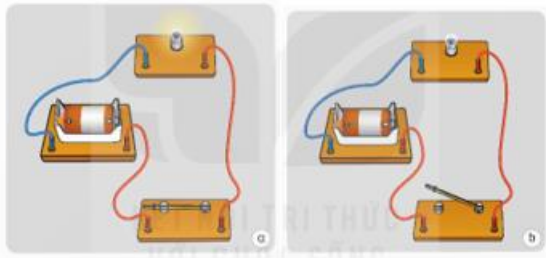
1.2 Tìm hiểu hoạt động của mạch điện đơn giản.

- GV yêu cầu HS quan sát gọi tên các dụng cụ ở hình 2 (SGK trang 35).



- GV tổ chức HS thảo luận nhóm quan sát hình 3 (SGK trang 35) rồi thực hiện:

- + Mạch điện thấp sáng đơn giản của hình 3 gồm những bộ phận nào?
- + Chỉ ra điểm khác nhau của hai mạch điện hình 3a và 3b.
- + Mô tả cấu tạo và hoạt động thấp sáng trên hình 3a và 3b.



Hình 3

- GV mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét.
- GV giải thích thêm:

Ở mạch điện hình 3a: Khoá K đóng (mạch kín)

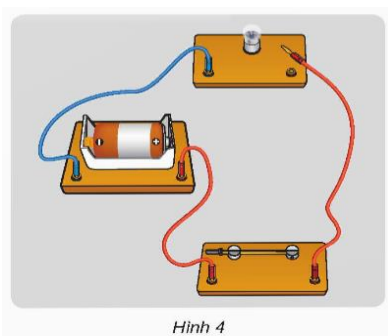
Ở mạch điện hình 3b: Khoá K mở (mạch hở)

1.3 Vì sao mạch điện không sáng.

- GV tổ chức cho HS thảo luận trả lời các câu hỏi:

1. Vì sao đèn sáng ở mạch điện hình 3a, đèn không sáng ở mạch điện hình 3b? Làm thế nào để đèn sáng?

2. Vì sao đèn ở hình 4 không sáng?



Hình 4

3. Nếu em bật đèn pin nhưng đèn không sáng, hãy chỉ ra các lí do có thể làm đèn không sáng và cách khắc phục để đèn sáng.

- GV giải thích thêm:

+ Pin là nguồn cung cấp năng lượng điện. Nếu hết pin thì không có nguồn năng lượng điện để cung cấp cho bóng đèn nên đèn không sáng.

+ Nếu dây dẫn điện bị đứt, mạch hở nên đèn không sáng. Khi dây điện được nối lại, tạo mạch kín thì đèn sáng.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, 2, 3, 4 trang 28, 29 VBT, kết hợp chấm chữa bài.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- HS nêu ví dụ về mạch điện thấp sáng đơn giản trong cuộc sống.

- HS về nhà ôn lại cấu tạo mạch điện thấp sáng đơn giản và mô tả hoạt động của mạch điện đó.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

CÔNG NGHỆ

Bài 4: THIẾT KẾ SẢN PHẨM ((TIẾT 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vẽ phác thảo, nêu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản theo hướng dẫn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV hỏi HS: "Có kim mà chẳng biết khâu? Suốt ngày chạy mãi, lâu lâu mới dừng. Không tay, không mắt thế nhưng Chỉ ra chính xác đúng từng phút giây" (Đây là đồ vật gì?)



- GV mời HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét câu trả lời của bạn. - GV đưa ra đáp án và dán dặt vào bài.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

- GV yêu cầu học sinh quan sát các hình ảnh 9 đồng hồ trong hình 1.



- Nêu nhận xét về hình dáng, kích thước, màu sắc của từng chiếc đồng hồ.
- HS chia sẻ kết quả quan sát, thảo luận.

***GV kết luận:** Đồng hồ có nhiều loại khác nhau như đồng hồ cơ, đồng hồ điện tử, đồng hồ cát, đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ đeo tay. Mặt đồng hồ có nhiều hình dáng khác nhau như hình chữ nhật, hình tròn, hình ovan, hình vuông..

- HS chia sẻ trong nhóm 2 lựa chọn 1 kiểu đồng hồ mà mình thích và giải lý do
- GV mời HS trả lời.

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15’)

- HS tiếp tục làm việc theo nhóm 2 trả lời câu hỏi: "Nêu các bước để thiết kế được một chiếc đồng hồ đồ chơi như trên".

- GV mời các nhóm khác nhận xét.
- GV đưa ra quy trình tham khảo.

Bước 1: Hình thành ý tưởng vẽ chiếc đồng hồ đồ chơi

Bước 2: Vẽ phác thảo và lựa chọn vật liệu dụng cụ.

Bước 3: Làm sản phẩm mẫu.

Bước 4: Đánh giá và hoàn thiện chiếc đồng hồ đồ chơi.

- GV hỏi: trong 4 bước trên chúng ta đã thực hiện được bước nào? và mời học sinh trả lời.
- Đồng hồ có những bộ phận nào?
- Để làm được sản phẩm các con lựa chọn vật liệu, dụng cụ gì?
- GV tổ chức cho các học sinh làm bước 2 phát giấy A4 cho mỗi học sinh để các em thực hiện vẽ bản phác thảo dựa vào cái ý trong hình 2



- GV quan sát quá trình học sinh vẽ phác thảo
- GV khen ngợi học sinh khi hoàn thành bản phác thảo và yêu cầu 2 học sinh cùng bàn trao đổi bài và nhận xét bản phác thảo của mình, của bạn.
- GV mời một số cặp lên bảng trình bày về kết quả thảo luận.
- GV nhận xét chung về bản phác thảo của lớp.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- HS nhắc lại các bước quy trình.
- GV nhận xét chung về vẽ phác thảo bước 2 của cả lớp.
- GV dặn dò cho tiết học sau và nhắc học sinh về nhà chuẩn bị các vật liệu dụng cụ cần thiết để làm chiếc đồng hồ đồ chơi.
- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 20: PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 41)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh thực hiện được phép trừ hai số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô?

$$23,4 + 35,07 = 58,1$$

☐

+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô?

$$23,6 + 41,7 = 65,3$$

☐

+ Câu 3: Thực hiện phép tính:

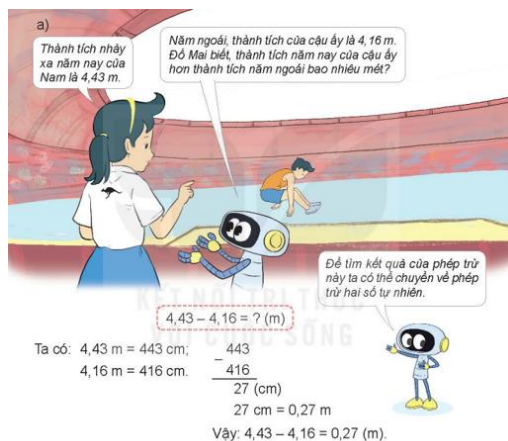
$$93,04 + 52,11 =$$

Câu 4: Tính

$$23,9 + 31,7 =$$

2. Hoạt động Khám phá và hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu cách trừ hai số thập phân:



- Tình huống:

- + Nam năm ngoái và năm nay nhảy được bao nhiêu m ?
- + Để biết năm nay nhảy xa hơn hay gần hơn thì làm thế nào?
- + Ta thực hiện tính bằng cách nào?
- + Ta đổi về đơn vị cm để trừ như trừ 2 số tự nhiên.
- + Thực hiện đặt tính cột dọc và tính

Nêu cách thực hiện: 3,5 em nối tiếp nêu

b/ Vận dụng tính: $63,49 - 1,8$

Khi tính theo cột dọc trừ hai số thập phân cần lưu ý điều gì?

- Để thực hiện được phép trừ trên ta làm thế nào?
- GV chốt: Đặt tính cột dọc sao cho các chữ số cùng hàng ,dấu phẩy thẳng cột với nhau, trừ từ phải qua trái như trừ số tự nhiên. Hạ dấu phẩy thẳng cột.
- GV cùng HS tự thực hiện thêm vài ví dụ.
- GV nhận xét, chốt quy tắc:

Muốn trừ hai số thập phân ta thực hiện như sau:

+ ***Viết số trừ bên dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng hàng và dấu phẩy thẳng cột với nhau***

+ ***Trừ như trừ hai số tự nhiên***

+ ***Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với dấu phẩy ở số bị trừ và số trừ.***

3. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 69/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.
- HS tìm ra hướng giải rồi trả lời câu hỏi của bài toán.
- GV đặt câu hỏi thêm:
 - + Vậy xe ô tô nào chở nặng nhất?
- GV mời HS nêu kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương.

Bài 3.

- **GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.**
- HS đọc đề bài.
- HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai)

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- Cách chơi: GV đưa cho HS một số loại hoa quả (quả ổi, cam,...). Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV ghi phép tính trên các quả yêu cầu học sinh tìm kết quả. GV yêu cầu. Nhóm nào làm đúng được nhận loại trái cây đó. Nhóm sai trả lại trái cây cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 20: PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 42)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- củng cố cho học sinh thực hiện phép trừ hai số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?

☐

$$35,07 - 23,4 = 12,3$$

+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?

☐

$$41,7 - 23,6 + = 18,1$$

+ Câu 3: Thực hiện phép tính:

$$93,04 - 52,11 =$$

Câu 4: Tính

$$31,7 - 23,9 =$$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 70/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.

- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 2.

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu kết quả.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương.

Bài 4.

- HS thảo luận cách làm nhóm 4 một số đại diện nêu nối tiếp, Trình bày cách giải bài tập vào vở cá nhân
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**Bài 4.**

- GV tổ chức trò chơi “Đố bạn”.
- Cách chơi: GV ghi phép tính trên các bảng – phiếu- yêu cầu cặp học sinh tìm kết quả: 1 bạn giơ – phiếu -bảng có phép tính đố bạn còn lại tìm kết quả và ngược lại. . Thời gian chơi từ 2 – 3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**Bài 21: PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 43)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh thực hiện được phép nhân số thập phân với số tự nhiên
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến nhân số thập phân với số tự nhiên.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Ai nhanh Ai đúng?

+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$23,4 + 35,07 =$$

+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$43,6 + 51,7 =$$

+ Câu 3: Thực hiện phép tính:

$$83,04 + 62,11 =$$

Câu 4: Tính

$$33,9 + 4 =$$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu cách nhân hai số thập phân: - **Tình huống:**

a)

Toà nhà kia có 8 tầng, mỗi tầng cao 3,2 m.

Toà nhà đó cao bao nhiêu mét nhỉ?

$3,2 \times 8 = ? \text{ (m)}$

Ta có: 3,2 m = 32 dm.

$$\begin{array}{r} 32 \\ \times 8 \\ \hline 256 \end{array} \text{ (dm)}$$

256 dm = 25,6 m

Vậy: $3,2 \times 8 = 25,6 \text{ (m)}$.

Để tìm kết quả của phép nhân này ta có thể chuyển về phép nhân hai số tự nhiên.

+ **Tranh vẽ gì?**

+ **Hai bạn trao đổi gì với nhau?**

+ **Muốn biết toà nhà có 8 tầng mỗi tầng cao 3,2 m cao tất cả bao nhiêu ta làm thế nào?**

+ Ta thực hiện tính bằng cách nào?

+ Ta đổi về đơn vị dm để nhân $32 \text{ dm} \times 8$ rồi lại đổi trở lại đơn vị là m

+ Cộng lần lượt số đo 8 tầng với nhau

+ Thực hiện đặt tính cột dọc và tính $3,2 \times 8$

Nêu cách thực hiện: 3-5 em nối tiếp nêu

$$3,2 \times 8$$

****/ Đặt tính và thực hiện nhân như nhân hai số tự nhiên***

**** Đếm phần thập phân của số 3,2 có 1 chữ số, ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra 1 chữ số kể từ phải qua trái***

b/ Vận dụng tính: $1,51 \times 25$

Khi tính theo cột dọc nhân số thập phân cần lưu ý điều gì?

- Để thực hiện được phép nhân trên ta làm thế nào?

**** GV kết luận: Đặt tính cột dọc nhân từ phải qua trái như nhân số tự nhiên. Đếm tổng số chữ số hàng thập phân ở thừa số, rồi tách bấy nhiêu chữ số ở tích tính từ phải qua trái để đặt dấu phẩy ở tích.***

- GV cùng HS tự thực hiện thêm vài ví dụ.

3. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 72/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- Lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận tìm đáp án đúng
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.

- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đôi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải làm phiếu nhóm và vở
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

- Cách chơi: GV đưa cho HS một số loại hoa quả (quả ổi, cam,...). Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV ghi phép tính trên các quả yêu cầu học sinh tìm kết quả. GV yêu cầu. Nhóm nào làm đúng được nhận loại trái cây đó. Nhóm sai trả lại trái cây cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**Bài 19: PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 44)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh củng cố thực hiện phép nhân số thập phân với số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến nhân số thập phân với số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Ai nhanh Ai đúng?

+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$23,4 \times 4 =$$

+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$43,6 \times 7 =$$

+ Câu 3: Thực hiện phép tính:

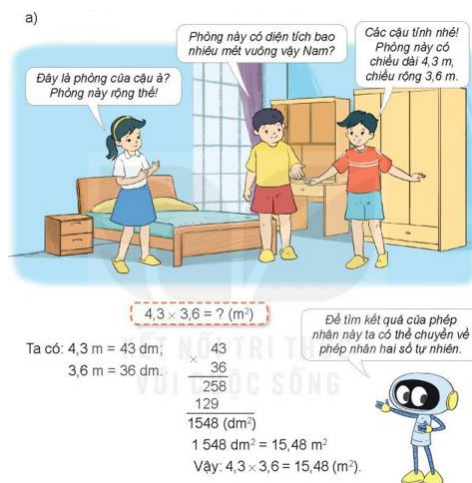
$$83,04 \times 8 =$$

Câu 4: Tính

$$33,9 \times 6 =$$

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu cách nhân nhân số thập



phân với số thập phân

- Tình huống:

- + Tranh vẽ gì?
- + Hai bạn trao đổi gì với nhau?
- + Căn phòng có dạng hình gì?
- + Muốn biết diện tích căn phòng theo kích thước đó ta thực hiện như thế nào?
- + Xác định số đo chiều dài, chiều rộng của căn phòng?
- + Ta thực hiện tính bằng cách nào?
- + rô bốt gợi ý 3 bạn đó cách làm như thế nào?
- + Ta đổi về đơn vị dm để nhân $43 \text{ dm} \times 36 \text{ dm}$ rồi lại đổi trở lại đơn vị là m
- + Thực hiện đặt tính cột dọc và tính $4,3 \times 3,6$.

Nêu cách thực hiện: 3-5 em nối tiếp nêu

$$4,3 \times 3,6$$

*** / Đặt tính và thực hiện nhân như nhân hai số tự nhiên**

*** Đếm phần thập phân của số 4,3 và 3,6 mỗi số có 1 chữ số tổng thành 2 chữ số, ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra 2 chữ số kể từ phải qua trái.**

b/ Vận dụng tính: $6,8 \times 0,52$

Khi tính theo cột dọc nhân số thập phân cần lưu ý điều gì?

- Để thực hiện được phép nhân trên ta làm thế nào?

****GV kết luận: Đặt tính cột dọc nhân từ phải qua trái như nhân số tự nhiên. Đếm tổng số chữ số hàng thập phân ở thừa số, rồi tách bấy nhiêu chữ số ở tích tính từ phải qua trái để đặt dấu phẩy ở tích.***

- HS tự thực hiện thêm vài ví dụ.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 74/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS làm bài vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
 - HS làm việc theo nhóm 3
 - GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- ? Hãy nêu vì sao lại chọn đáp án đó?

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

GV tổ chức trò chơi “Đố bạn”.

- Cách chơi: GV đưa cho HS một số phiếu hay bảng có ghi phép tính . Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV yêu cầu thảo luận nhóm tìm kết quả 1 người đồ 1 người trả lời kết quả tiếp nối . Thời gian chơi từ 2-3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 19: LUYỆN TẬP (TIẾT 45)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh củng cố thực hiện phép nhân số thập phân, nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân.
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến nhân số thập phân, vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính nhanh và giải quyết bài toán liên quan tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Ai nhanh Ai đúng?

+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$23,4 \times 4 =$$

+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$43,6 \times 7 =$$

+ Câu 3: Thực hiện phép tính:

$$83,04 \times 8 =$$

Câu 4: Tính

$$33,9 \times 6 =$$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

- GV nhận xét, chốt quy tắc:

Muốn trừ hai số thập phân ta thực hiện như sau:

Đặt tính cột dọc như từ phải qua trái như nhân số tự nhiên.

Đếm tổng số chữ số hàng thập phân ở thừa số, rồi tách bấy nhiêu chữ số ở tích tính từ phải qua trái để đặt dấu phẩy ở tích

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 75/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- HS đọc đề bài.
- HS nêu kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- GV nêu tóm tắt cùng HS
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?
- HS làm cá nhân
- HS trình bày
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Bài 4.

GV tổ chức trò chơi “Đi chợ”.

- Cách chơi: GV đưa cho HS một số phiếu hay bảng có ghi phép tính là khối lượng gạo hay quả, củ, muối... và giá tiền. Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV yêu cầu thảo luận nhóm tìm kết quả đóng vai người bán đưa giá tiền 1 người trả lời đưa số lượng mua cùng tính kết quả số tiền cần trả cô bán hàng. Thời gian chơi từ 2 – 3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN CÙNG CỐ**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 22, 23, 24)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập và củng cố cách đọc, viết, so sánh các đơn vị đo diện tích.
- Ôn tập về các phép tính cộng, trừ, nhân số thập phân.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- Trò chơi đổ bẹn.
- HS hỏi đáp theo cặp đôi nhắc lại những nội dung đã học về số thập phân.
- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.
- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (90 – 95’)**a. Hoạt động củng cố lý thuyết**

- GV thống kê hệ thống các đơn vị kiến thức đã học ở **Chủ đề 1, 2, 3** cho HS:
- GV chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).
- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).
- + Tiết 1, 2: Hoàn thành phiếu học tập số 1.
- + Tiết 3: Hoàn thành phiếu học tập số 2.

TIẾT 1, 2

I. Trắc nghiệm

ĐỀ BÀI	KẾT QUẢ
1. Số gồm 7 trăm triệu, 7 chục triệu, 7 chục nghìn, 7 trăm và 7 đơn vị là:	
2. Làm tròn số 12,756 đến hàng phần trăm ta được số:	
3. Sắp xếp các hỗn số theo thứ tự từ lớn đến bé: $5\frac{2}{5}; 7\frac{2}{7}; 5\frac{4}{5}; 7\frac{4}{7}$	
4. Trong các phép tính sau, phép tính nào có kết quả lớn nhất: A. $\frac{2}{3} + \frac{3}{8}$ B. $\frac{11}{6} - \frac{3}{4}$ C. $\frac{23}{14} \times \frac{7}{12}$ D. $\frac{1}{20} : \frac{2}{45}$	
5. Ông An có một khu vườn. Biết rằng $\frac{3}{5}$ số cây trong vườn là cây ổi, $\frac{6}{25}$ số cây trong vườn là cây chanh. Biết trong vườn có tất cả 125 cây. Hỏi có tất cả bao nhiêu cây chanh và ổi?	
6. Cô thủ thư xếp 211 cuốn sách vào 3 giá sách. Giá sách thứ nhất có 55 cuốn sách. Số sách trên giá sách thứ hai bằng $\frac{3}{5}$ số sách của giá sách thứ nhất. Hỏi giá sách thứ ba có bao nhiêu cuốn sách	

II. Tự luận

Câu 1. Điền vào chỗ trống sao cho phù hợp:

- Số 32,425 đọc là:.....
- Làm tròn số 658,19 đến hàng phần mười ta được:.....
- Phần thập phân của số 784,93 gồm hàng.....và hàng.....
- Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 32,425; 658,19; 45,284; 784,93:
.....

Câu 2. Tính:

$$\frac{3}{7} + \frac{5}{4} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{2}{3} - \frac{4}{11} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{3}{8} \times \frac{4}{9} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{7}{15} : \frac{3}{20} = \dots\dots\dots$$

Câu 3. Số?

$$150 \text{ ha } 12 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \quad 15 \text{ km}^2 \text{ } 5 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$42 \text{ km}^2 \text{ } 70 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ha} \quad 42 \text{ km}^2 \text{ } 70 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

Câu 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$\frac{5}{13} \times \frac{2}{17} \times 65 \times 34$$

$$\frac{25}{27} \times 19 + 8 \times \frac{25}{27}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Năm ngoái cô An thu hoạch được 4 tạ khoai. Số khoai cô thu hoạch được năm nay bằng $\frac{3}{2}$ số khoai năm ngoái. Cô xếp số khoai thu hoạch được năm nay vào các bao tải. Cứ 100 kg khoai cô chia đều vào 10 bao tải. Hỏi cô An cần bao nhiêu bao tải như thế để xếp hết số khoai thu hoạch năm nay?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Khi nhân một số thập phân với 17, bạn Na đã đặt nhầm các tích riêng thẳng cột với nhau nên được tích là 170,24. Tìm tích đúng?

.....

.....

.....

TIẾT 3

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Từ một tấm vải dài 358m, người ta cắt ra làm hai tấm nhỏ hơn trong đó có một tấm dài 123,8m. Độ dài của tấm vải còn lại là :

- A. 235m B. 234,2m C. 233,2m D.
481,5m

Câu 2: Có một cái ao ở giữa một khu đất, diện tích cái ao là $30,6\text{m}^2$, và nhỏ hơn diện tích của cả khu đất $45,57\text{m}^2$. Hỏi diện tích khu đất là bao nhiêu mét vuông?

- A. $76,17\text{m}^2$ B. $106,77\text{m}^2$ C. $75,1\text{m}^2$ D.
14,97m

Câu 3: Một buổi sáng cửa hàng bán được 45,8kg gạo, buổi chiều cửa hàng bán được ít hơn buổi sáng 5,35kg. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu kg gạo?

- A. 40,45kg B. 40,5kg C. 51,15kg D.
50,15kg

Câu 4: Một phép nhân có thừa số là 0,549 và thừa số kia là 44. Tích của phép nhân đó là :

- A. 24,156 B. 2415,6 C. 241,56 D.
24,15

Câu 5: Một số nếu gấp lên 3 lần rồi bớt đi 14,6 thì được kết quả là 30,4. Số đó là :

- A. 47,4 B. 135 C. 15 D. 14

Câu 6: Số thích hợp điền vào chỗ trống để: $2,3 + \dots = 7,8$ là:

A. 5,5

B. 4,5

C. 5,3

D. 4,3

Câu 7: Điền dấu thích hợp điền vào chỗ chấm:

$$12,25 \times 4,7 \dots 17,9 \times 3,2$$

A. =

B. >

C. <

D. A, B, C đều sai

Câu 8: Con gà nặng 2,13 kg. Con ngỗng nặng gấp 2,5 lần con gà. Vậy con ngỗng nặng số ki-lô-gam là:

A. 4,26 kg

B. 5,325 kg

C. 4,62 kg

D. 5,235 kg

PHẦN II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 49,5

b) 49,5

c) 32,46

d) 32,46

$$\begin{array}{r} 49,5 \\ - 19,8 \\ \hline \end{array}$$

30,7

$$\begin{array}{r} 49,5 \\ - 19,8 \\ \hline \end{array}$$

29,7

$$\begin{array}{r} 32,46 \\ - 12,9 \\ \hline \end{array}$$

31,17

$$\begin{array}{r} 32,46 \\ - 12,9 \\ \hline \end{array}$$

19,56

Câu 2: Viết tiếp vào chỗ chấm

a) Mỗi chai dầu ăn chứa 1,23l. 7 chai như vậy cól dầu ăn.

b) Trung bình mỗi quả cam cân nặng 0,125 kg. 12 quả cam như thế có nặng trung bình là kg.

c) Một can nước mắm có 10l nước mắm. Lần thứ nhất người ta lấy ra 1,25l nước mắm. lần thứ hai người ta lấy ra 0,65l nước mắm.

Vậy sau hai lần lấy, trong can còn lại.....l nước mắm.

Câu 3. Một tấm vải dài 49m. Lần thứ nhất bán 12,5m; lần thứ hai bán 17,6m. Hỏi sau hai lần bán tấm vải còn lại dài bao nhiêu mét?

Câu 4. Một đội công nhân cần sửa 3,6 km đường trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đội sửa được 900m đường. Ngày thứ hai sửa được nhiều hơn ngày thứ nhất 600m đường. Hỏi ngày thứ ba đội cần sửa bao nhiêu ki-lô-mét đường nữa để xong công việc?

Câu 4. Một xe máy trung bình mỗi giờ đi được 37,8 km. Hỏi trong 3 giờ xe máy đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?



Câu 5. Một vườn cây hình chữ nhật có chiều dài 14,23 m và chiều rộng 8,2 m. Tính chu vi vườn cây đó.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- HS nhắc lại kiến thức đã ôn tập.
- GV kết luận, dặn dò nội dung ôn tập kiểm tra giữa học kì 1.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**TOÁN TƯ DUY****BÀI TOÁN VỀ TUỔI (Tiết 17)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

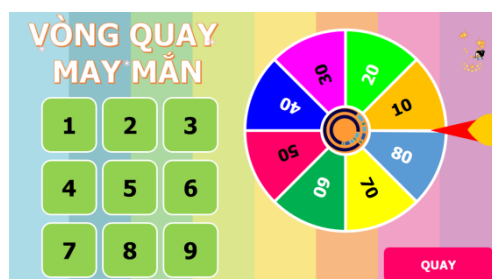
Giúp học sinh:

- Học sinh nắm bắt được phương pháp. Biết vận dụng phương pháp để giải được các bài toán có liên quan.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

* **Bài tập cần làm:** 90% HS hoàn thành bài tập 1; 2.
60% HS hoàn thành bài tập 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Phiếu bài tập, file bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.**1. Hoạt động Khởi động: Trò chơi “Vòng quay may mắn” (3-5’)**

- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước, sau đó sử dụng trò chơi vòng quay may mắn để kiểm tra việc hoàn thành bài tập của HS.
- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.
- HS trả lời câu hỏi trực tiếp.
- HS trả lời các câu hỏi:
- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá: (8 – 10’)

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, hướng dẫn HS hoạt động theo PP khăn trải bàn.

- HS hoạt động theo dẫn dắt của GV và bầu ra nhóm trưởng của nhóm.
- GV giới thiệu: “An tham gia thi đấu cờ và đã đấu 20 trận không có trận hòa. Mỗi trận thắng được 10 điểm, mỗi trận thua bị trừ 5 điểm. Sau 20 trận đấu, An được 50 điểm. Hỏi An đã thắng bao nhiêu trận cờ?”
- HS làm việc nhóm trong 3 phút.
- HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- GV nhận xét chốt kết quả.

Bài giải:

Giả sử cả 20 ván An đều thắng. Lúc này số điểm An nhận được là:

$$10 \times 20 = 200 \text{ (điểm)}$$

Lúc này số điểm tăng lên là:

$$200 - 50 = 150 \text{ (điểm)}$$

Sở dĩ số điểm tăng lên là do chúng ta đã giả sử tất cả các ván An đều thắng.

Khi thay một ván thua bởi một ván thắng thì số điểm tăng lên là:

$$5 + 10 = 15 \text{ (điểm)}$$

Có số ván thua là:

$$150 : 15 = 10 \text{ (ván)}$$

Có số ván thắng là:

$$20 - 10 = 10 \text{ (ván)}$$

Đáp số: Thắng 10 ván; thua 10 ván

2. Hoạt động thực hành vận dụng:

Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập (15 – 18’)

GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài.

Phiếu bài tập:

Bài 1: Có 30 câu hỏi trong một bài thi toán. Mỗi câu trả lời đúng được cộng thêm 5 điểm và mỗi câu trả lời sai bị trừ đi 3 điểm. Rena đạt 126 điểm cho bài thi toán đó. Hỏi bạn ấy trả lời sai bao nhiêu câu?

Bài 2: Lớp 5A có 40 bạn. Trong kì kiểm tra cuối học kì I các bạn đều được điểm 9 hoặc điểm 10. Tổng số điểm của cả lớp là 370 điểm. Hỏi có bao nhiêu bạn được điểm 10.

Bài 3: Có 34 con gà và thỏ. Biết tổng số chân là 106 chân. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con thỏ?

Bài 4: Một người mua 50 quả trứng, vừa trứng gà và trứng vịt hết tất cả 119000 đồng. Biết giá mỗi quả trứng gà là 2500 đồng, mỗi quả trứng vịt là 2200 đồng. Hỏi người đó

mua bao nhiêu quả trứng mỗi loại?

Bài 1:

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

** GV củng cố kiến thức:*

3. Hoạt động củng cố: (1 – 2')

- GV chốt nội dung bài học.
- Nhận xét kỹ năng làm bài của HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN TƯ DUY

BÀI TOÁN GIẢ THIẾT TẠM (Tiết 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

- Học sinh nắm bắt được phương pháp. Biết vận dụng phương pháp để giải được các bài toán có liên quan.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

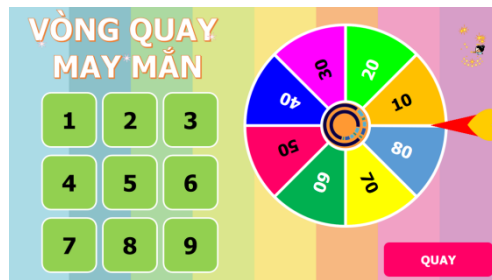
*** Bài tập cần làm:** 90% HS hoàn thành bài tập 1; 2.
60% HS hoàn thành bài tập 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu bài tập, file bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động: Trò chơi “Vòng quay may mắn” (3– 5’)



- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước, sau đó sử dụng trò chơi vòng quay may mắn để kiểm tra việc hoàn thành bài tập của HS.

- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.

- HS trả lời câu hỏi trực tiếp.

- HS trả lời các câu hỏi:

- GV tổng kết trò chơi.

- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá: (8 – 10’)

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, hướng dẫn HS hoạt động theo PP khăn trải bàn.

- HS hoạt động theo dẫn dắt của GV và bầu ra nhóm trưởng của nhóm.

- GV giới thiệu: “*An tham gia thi đấu cờ và đã đấu 20 trận không có trận hòa. Mỗi trận thắng được 10 điểm, mỗi trận thua bị trừ 5 điểm. Sau 20 trận đấu, An được 50 điểm. Hỏi An đã thắng bao nhiêu trận cờ?*”

- HS làm việc nhóm trong 3 phút.

- HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.

- GV nhận xét chốt kết quả.

Bài giải:

Giả sử cả 20 ván An đều thắng. Lúc này số điểm An nhận được là:

$$10 \times 20 = 200 \text{ (điểm)}$$

Lúc này số điểm tăng lên là:

$$200 - 50 = 150 \text{ (điểm)}$$

Sở dĩ số điểm lên là do chúng ta đã giả sử tất cả các ván An đều thắng.

Khi thay một ván thua bởi một ván thắng thì số điểm tăng lên là:

$$5 + 10 = 15 \text{ (điểm)}$$

Có số ván thua là:

$$150 : 15 = 10 \text{ (ván)}$$

Có số ván thắng là:

$$20 - 10 = 10 \text{ (ván)}$$

Đáp số: Thắng 10 ván; thua 10 ván

3. Hoạt động thực hành vận dụng: Hoàn thành bài tập (15-18')

GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài.

Phiếu bài tập:

Bài 1: Có 30 câu hỏi trong một bài thi toán. Mỗi câu trả lời đúng được cộng thêm 5 điểm và mỗi câu trả lời sai bị trừ đi 3 điểm. Rena đạt 126 điểm cho bài thi toán đó. Hỏi bạn ấy trả lời sai bao nhiêu câu?

Bài 2: Lớp 5A có 40 bạn. Trong kì kiểm tra cuối học kì I các bạn đều được điểm 9 hoặc điểm 10. Tổng số điểm của cả lớp là 370 điểm. Hỏi có bao nhiêu bạn được điểm 10.

Bài 3: Có 34 con gà và thỏ. Biết tổng số chân là 106 chân. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con thỏ?

Bài 4: Một người mua 50 quả trứng, vừa trứng gà và trứng vịt hết tất cả 119000 đồng. Biết giá mỗi quả trứng gà là 2500 đồng, mỗi quả trứng vịt là 2200 đồng. Hỏi người đó mua bao nhiêu quả trứng mỗi loại?

Bài 1:

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

** GV củng cố kiến thức:*

4. Hoạt động củng cố (1 – 2')

- GV chốt nội dung bài học.
- Nhận xét kĩ năng làm bài của HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

Ký duyệt của BGH**Khối trưởng ký duyệt****Người soạn****Lê Công Thắng****Nguyễn Thị Lan Anh****Cao Thị Huê**

